

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 12 và năm 2017

Tình hình kinh tế - xã hội Thành phố năm 2017 diễn ra trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế toàn cầu có nhiều chuyển biến tích cực. Giá cả hàng hoá thế giới, trong đó có giá dầu và nhiên liệu duy trì đà tăng; thu hút vốn đầu tư có yếu tố nước ngoài vào Việt Nam tăng mạnh; thị trường tài chính, tiền tệ thế giới phục hồi, ít chịu ảnh hưởng từ các biến động chính trị. Kinh tế trong nước có nhiều khởi sắc: lần đầu tiên sau nhiều năm, đã hoàn thành 13 chỉ tiêu do Quốc hội đề ra, lạm phát được kiểm soát; dự trữ ngoại hối tăng cao kỷ lục, xuất khẩu tăng mạnh (đặc biệt là mặt hàng rau củ quả); chứng khoán đạt mức tăng trưởng cao nhất trong các thị trường Châu Á. Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị APEC; khởi động cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, thúc đẩy sáng tạo, đổi mới và khởi nghiệp.

Điểm nổi bật trong kết quả điều hành kinh tế - xã hội năm 2017 của thành phố là môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện, thủ tục hành chính có nhiều tiến bộ; việc lập lại trật tự đô thị được người dân ủng hộ. Trong năm, Thành phố đã đẩy mạnh việc giải ngân các công trình xây dựng cơ bản, rà soát phân bổ vốn đầu tư, tập trung ứng vốn cho dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên, kịp thời ngăn chặn tình trạng sốt giá nhà đất ở các vùng ven. Đặc biệt đã tổ chức làm việc với các cơ quan trung ương về báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và được Quốc Hội thông qua Nghị quyết 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh, tạo động lực cho Thành phố phát triển bền vững và nhanh hơn nữa trong những năm tiếp theo.

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước tăng 8,25% so năm trước (năm 2016 tăng 8,05%). Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) đạt 107,90% (năm 2016 đạt 107,33%); tổng vốn đầu tư xã hội đạt 365,71 ngàn tỷ đồng, so cùng kỳ tăng 18,4%, so với GRDP bằng 34,5%; tổng thu cân đối ngân Nhà nước đạt 347.986 tỷ đồng, đạt 100,03% dự toán, tăng 13,32%; tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 67.075 tỷ đồng, đạt 94,94% dự toán, tăng 40,36% so cùng kỳ; tổng dư nợ tín dụng đến 1/12/2017 tăng 17,27% so với tháng 12/2016.

Ước thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2017

	Năm 2017		Thực hiện năm 2016
	Kế hoạch	Thực hiện	
1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP – (%)	8,4	8,25	8,05
Trong đó: Nông, lâm, thủy sản		6,25	5,81
Công nghiệp và xây dựng		7,84	7,88
Dịch vụ		8,23	8,07
2 Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP – %)		107,90	107,33
3 Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu (%)		16,1	5,2
Trong đó: - Trừ dầu thô		16,0	10,0
4 Tỷ trọng vốn đầu tư so GRDP (%)	35	34,5	30,3
5 Cấp phép mới vốn đầu tư nước ngoài (triệu USD)		2.344,7	914,6
6 Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước (tỷ đồng)	347.882	347.986	307.085
Thu ngân sách không tính dầu thô	335.482	331.071	292.870
T.đó: * Thu nội địa (tỷ đồng)	226.482	221.972	191.762
* Thu từ xuất nhập khẩu (tỷ đồng)	109.000	109.100	101.108
7 Chi ngân sách địa phương (tỷ đồng)	70.647	67.075	47.789
T.đó: Chi đầu tư phát triển	25.147	23.493	18.040
8 Số LĐ được giải quyết việc làm (ngàn người)	270	323,2	311,1
Trong đó: Được tạo việc làm mới	125	133,3	130,1
9 Tỷ lệ thất nghiệp đô thị	dưới 4%	3,95	4,4
10 Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí giảm nghèo đa chiều			giảm 1,2%

I. TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP cả năm ước đạt 1.060.618 tỷ đồng (theo giá hiện hành). Tính theo giá so sánh 2010 đạt **842.376 tỷ đồng, tăng 8,25%** so năm trước, cao hơn mức tăng 8,05% của năm 2016.

Tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2017

	Giá thực tế		Giá so sánh 2010		Đóng góp vào mức tăng (%)
	Tỷ đồng	Cơ cấu (%)	Tỷ đồng	Chỉ số phát triển so với năm 2016 (%)	
Tổng số	1.060.618	100,0	842.376	108,25*	8,25
<i>Phân theo khu vực</i>					
- Nông, lâm, thủy sản	8.539	0,81	5.696	106,25	0,04
- Công nghiệp và xây dựng	262.772	24,78	203.411	107,84	1,90
+ Công nghiệp	217.382	20,50	165.683	107,52	1,49
+ Xây dựng	45.390	4,28	37.728	109,25	0,41
- Dịch vụ	618.773	58,34	494.867	108,23	4,83

* Số liệu GRDP của Thành phố năm 2017 (theo Tổng cục Thống kê công bố) tăng 7,88% so với năm 2016.

- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sp **170.534** **16,07** **138.402** **109,05** **1,48**

Mức tăng trưởng năm nay chưa đạt kỳ vọng 8,4% đề ra nhưng cũng là mức tăng cao nhất từ 2012 đến nay, cho thấy kinh tế Thành phố vẫn phát triển ổn định. Trong mức tăng trưởng chung 8,25% của kinh tế Thành phố: khu vực nông lâm thủy sản tăng 6,25%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,84%, đóng góp 1,9 điểm phần trăm; khu vực thương mại dịch vụ tăng 8,23%, đóng góp 4,83 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 9,05%, đóng góp 1,48 điểm phần trăm.

- Khu vực nông lâm thủy sản có mức tăng 6,25%, cao hơn mức tăng 5,42% của cùng kỳ.

- Khu vực công nghiệp và xây dựng vẫn là khu vực có mức tăng trưởng ổn định trong 2 năm gần đây: ngành công nghiệp tăng 7,52%, cùng kỳ có mức tăng 6,81%; ngành xây dựng tăng 9,25%, cùng kỳ tăng 12,45%.

- Khu vực thương mại dịch vụ có mức tăng 8,23%, cao hơn so với mức tăng 8,04% cùng kỳ năm trước, là nơi có nhiều hoạt động kinh doanh sôi nổi, thu hút nhiều dự án của nhà đầu tư nước ngoài và trong nước, đồng thời có sự cạnh tranh quyết liệt, nhất là trong lĩnh vực bán lẻ. Một số ngành dịch vụ có mức tăng khá như: thương nghiệp tăng 8,13%, vận tải kho bãi 10,84%, tài chính ngân hàng 8,89%, kinh doanh bất động sản 7,95%.

Tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố (GRDP) năm nay theo giá hiện hành đạt 1.060,618 ngàn tỷ đồng. Cơ cấu GRDP có sự chuyển dịch nhưng còn ở tốc độ chậm, trong đó khu vực nông lâm thủy sản chiếm tỷ trọng 0,81%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 24,78%; khu vực thương mại dịch vụ chiếm 58,34%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 16,07%. Cơ cấu GRDP của năm 2016 tương ứng: nông lâm thủy sản 0,83%; công nghiệp và xây dựng 24,93%; thương mại dịch vụ 58,14%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 16,09%.

*** Về tỷ trọng đóng góp của 9 ngành dịch vụ trọng yếu trong GRDP của Thành phố năm 2017**

	GRDP giá hiện hành (Tỷ đồng)	Tỷ trọng so với GRDP (%)	Tỷ trọng nội bộ ngành của khu vực dịch vụ (%)
Khu vực dịch vụ	618.773	58,3	100
<i>Trong đó 9 ngành dịch vụ</i>	<i>559.603</i>	<i>52,7</i>	<i>90,4</i>
G. Thương nghiệp bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy	138.264	13,0	22,3
H. Vận tải kho bãi	91.541	8,6	14,8
I. Dịch vụ lưu trú và ăn uống	30.362	2,9	4,9
J. Thông tin và truyền thông	43.495	4,1	7,0
K. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	66.425	6,3	10,7
L. Hoạt động kinh doanh bất động sản	77.763	7,3	12,6
M. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	47.424	4,5	7,7

P. Giáo dục và đào tạo	37.504	3,5	6,1
Q. Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	26.825	2,5	4,3

9 ngành dịch vụ chiếm 52,7% trong GRDP, chiếm 90,4% trong khu vực dịch vụ. Trong đó, 4 ngành chiếm tỷ trọng cao là thương nghiệp (13,0%), vận tải kho bãi (8,6%), kinh doanh bất động sản (7,3%), tài chính ngân hàng (6,3%); đây là những ngành là chủ đạo chiếm 60,4% nội bộ khu vực dịch vụ, do đó cần có cơ chế tác động 4 ngành này để tạo hiệu ứng lan toả cho toàn bộ Khu vực dịch vụ phát triển mạnh hơn nữa.

Kết quả hoạt động của các ngành dịch vụ trong Khu vực dịch vụ có một số điểm đáng chú ý sau:

– Ngành thương nghiệp bán buôn, bán lẻ: là ngành có số lượng cơ sở hoạt động nhiều nhất, tạo ra giá trị tăng thêm cao nhất 138.264 tỷ, chiếm tỷ trọng 13,0% trong tổng GRDP và chiếm 22,3% trong khu vực dịch vụ. So sánh tỷ trọng của các ngành khác trong tổng GRDP của Thành phố thì ngành thương mại chỉ đứng thứ 2 sau ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

Ngành này có mức tăng xấp xỉ bằng cùng kỳ năm ngoái 8,13%, do thị trường tiêu thụ các mặt hàng thiết yếu có xu hướng bão hòa; người tiêu dùng có tâm lý chờ giảm thuế khi các hiệp định thương mại trong khối Asean có hiệu lực từ năm 2018 đối với mặt hàng thời trang cao cấp, hàng hiệu từ nước ngoài, xe ô tô...; mức tăng lương kể từ 1/7 khoảng 8%, thấp hơn so với mức tăng lương của những năm trước, cũng ảnh hưởng đến thu nhập và chi tiêu của người dân.

– Ngành vận tải kho bãi: đạt 91.541 tỷ, chiếm 8,6% trong tổng GRDP và 14,8% trong khu vực dịch vụ. Đây là ngành có vị trí quan trọng thứ 2 trong 9 ngành dịch vụ, có mức tăng trưởng 10,84% so cùng kỳ. Do có vị trí địa lý đặc thù là trung tâm kinh tế, với hệ thống cảng biển và các kho chứa hàng nên Thành phố Hồ Chí Minh có vai trò đầu mối trong hoạt động vận chuyển hàng hóa của cả khu vực Đông Nam Bộ, chủ yếu dựa vào vận tải đường bộ và hàng không (trong khi đường sắt và đường thủy còn hạn chế). Tuy nhiên hạ tầng giao thông của thành phố không đáp ứng kịp[†]. Hiện Thành phố đang thí điểm tuyến buýt giao thông bằng đường sông.

– Ngành khách sạn, nhà hàng (lưu trú và ăn uống): đạt 30.362 tỷ, chiếm 2,9% trong tổng GRDP và 4,9% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 6,5% so cùng kỳ;

– Ngành thông tin truyền thông: đạt 43.495 tỷ, chiếm 4,1% trong tổng GRDP và 7,0% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 7,5% so cùng kỳ;

– Ngành tài chính, ngân hàng: đạt 66.425 tỷ, chiếm 6,3% trong tổng GRDP và 10,7% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 8,89% so cùng kỳ;

[†] Ùn tắc tại sân bay, đường vào cảng Cát Lái tắc nghẽn, chi phí vận tải tăng, doanh nghiệp vận tải biển không cạnh tranh được với doanh nghiệp vận tải quốc tế nên chuyển sang làm dịch vụ vận tải.

– Ngành bất động sản trong năm tăng khá (+7,95%), tuy nhiên trong quý 3 xuất hiện hiện tượng đầu cơ, làm giá đất tăng bất thường. UBND Thành phố đã có động thái, thông báo chính thức việc không công nhận chuyển đổi từ huyện lên quận, kiểm tra việc tung tin đồn nâng giá đất, góp phần hạ nhiệt thị trường bất động sản.

– Ngành hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ 47.424 tỷ, chiếm 4,5% trong tổng GRDP và 7,7% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 6,86% so cùng kỳ.

– Ngành giáo dục và đào tạo: đạt 37.504 tỷ, chiếm 3,5% trong tổng GRDP và 6,1% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 8,71% so cùng kỳ;

– Ngành y tế: đạt 26.825 tỷ, chiếm 2,5% trong tổng GRDP và 4,3% trong khu vực dịch vụ, tăng 7,58% so cùng kỳ. Nguyên nhân do đời sống được nâng cao, người dân quan tâm đến việc chăm sóc sức khỏe, nhu cầu khám chữa bệnh dịch vụ tăng.

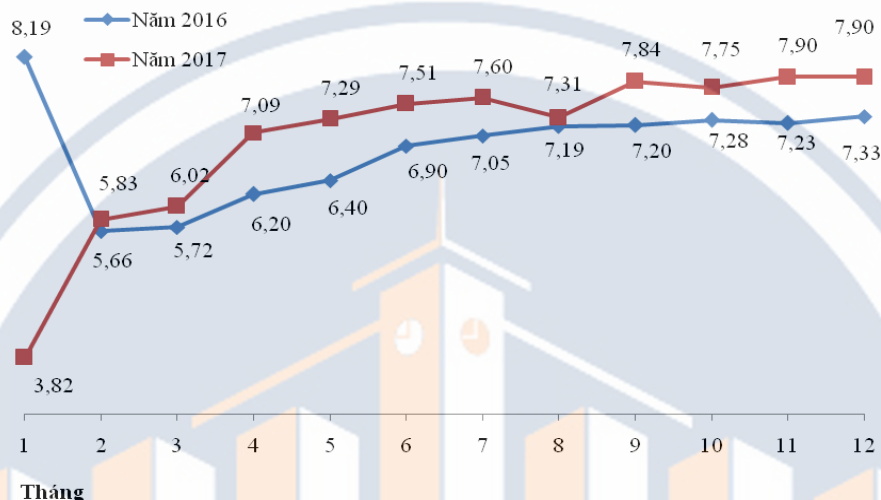
* Ước tính các nhân tố đóng góp vào tăng trưởng GRDP 8,25% của Thành phố như sau: vốn đóng góp 3,55 điểm phần trăm, lao động đóng góp 1,67 điểm phần trăm, năng suất nhân tố tổng hợp đóng góp 3,03 điểm phần trăm. Tỷ phần tương ứng của các nhân tố là vốn 43, lao động 20,3, TFP 36,7.

II. CÔNG NGHIỆP

Tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố tháng 12 tiếp tục tăng trưởng ổn định. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tháng 12 tăng 6,37% so với tháng trước. Trong đó: công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,65%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,69%; hoạt động khai khoáng giảm 2,12%; ngành sản xuất và phân phối điện giảm 5,16%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 12 ước tăng 8,12% so cùng kỳ. **Tính chung cả năm, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tăng 7,9% so với năm trước**, cao hơn mức tăng của năm 2016 (mức tăng của năm 2016: +7,33%). Trong đó, ngành khai khoáng tăng 8,38%, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,01%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,95%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,87%.

Đồ thị chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) -%
(Cộng dồn đến tháng báo cáo)



Trong các ngành công nghiệp cấp 2, hầu hết các ngành đều có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng so cùng kỳ, cụ thể có 24/30 ngành tăng so với năm trước. **Một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao:** sản xuất sản phẩm điện tử tăng khá cao (+39,11%); sản xuất kim loại (+29,84%); sản xuất xe có động cơ (+13,32%); dệt (+11,69%); sản xuất thiết bị điện (+10%)... **Một số ngành có chỉ số tăng khá:** sản xuất giấy (+9,18%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+8,92%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+6,66%)... **Một số ngành có chỉ số giảm:** sản xuất thuốc lá (-0,05%); sản xuất da (-3,32%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (-3,45%)...

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Tháng 12/2017 so với tháng 11/2017	Đơn vị tính: % Năm 2017 so với 2016
Tổng số	106,37	107,90
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	97,88	108,38
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	106,65	108,01
3. SX và phân phối điện	94,84	104,95
4. SX và phân phối nước	104,69	105,87
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	102,62	104,66
2. Sản xuất đồ uống	103,68	103,09
3. Sản xuất trang phục	113,50	104,61
4. Sản xuất da và SP liên quan	106,81	96,68
5. SX hóa chất và SP hóa chất	102,23	104,02
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	103,40	102,43
7. SP từ khoáng phi kim loại	103,85	103,64
8. Sản xuất SP điện tử	135,64	106,66
9. Sản xuất thiết bị điện	106,95	110,00
10. Sản xuất xe có động cơ	99,35	113,32

Nhìn chung, chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp thành phố trong năm vẫn duy trì mức độ tăng trưởng khá và ổn định, đặc biệt là chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm luôn tăng cao hơn mức tăng chung của toàn ngành.

Các ngành thuộc 4 ngành công nghiệp trọng điểm tiếp tục tăng trưởng nhờ chủ động mở rộng thị trường, đầu tư đổi mới thiết bị nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh. Chỉ số sản xuất công nghiệp 4 ngành trọng điểm ước tính tháng 12 tăng 1,9% so với tháng trước; tăng 10,71% so với tháng cùng kỳ.

Tính chung cả năm tăng 12,78%, cao hơn mức tăng chung của toàn ngành. Cụ thể như sau:

- Ngành lương thực thực phẩm, đồ uống tăng 3,89%;
- Ngành hóa dược tăng 3,35%, ngành này có xu hướng tăng chậm và giảm dần trong những năm gần đây (năm 2015: tăng 0,85%; năm 2016: giảm 0,58%) do di dời và hạn chế sản phẩm gây ô nhiễm môi trường;
- Ngành cơ khí tăng 2,37%;
- Ngành sản xuất hàng điện tử tăng mạnh 39,11%. Nguyên nhân do áp dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật ở trình độ cao từ các dự án của các tập đoàn kinh tế thế giới trong lĩnh vực công nghệ bán dẫn, công nghệ vi mạch, bo mạch điện tử, thị trường tiêu thụ ổn định

Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 12 so với tháng 11	Năm 2017 so với 2016
Tổng số	101,90	112,78
A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống	103,17	103,89
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	102,62	104,66
11-Sản xuất đồ uống	103,68	103,09
B-Nhóm Ngành hóa dược	103,14	103,35
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	102,23	104,02
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	103,40	102,43
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	103,85	103,64
C-Ngành Sản xuất hàng điện tử	99,65	139,11
26-Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	99,65	139,11
D-Nhóm ngành cơ khí	101,71	102,37
25-Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	102,12	108,92
27-Sản xuất thiết bị điện	106,95	110,00
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	101,78	106,91
29-Sản xuất xe có động cơ	99,35	113,32
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	98,26	87,68

Nhóm ngành truyền thông: ngoài ngành sản xuất da và các sản phẩm từ da gặp khó khăn trong sản xuất, các ngành khác còn lại tiếp tục tăng khá, trong đó ngành may trang phục tăng 4,61% và ngành dệt tăng 11,69% so với năm 2016.

Về sản phẩm công nghiệp trong năm, một số sản phẩm sản xuất tăng cao so với cùng kỳ: tivi đạt 9,85 triệu cái, tăng 46,16%; bao bì các loại đạt 430,26 nghìn tấn, tăng 9,46%; thép hình các loại đạt 355,40 nghìn tấn, tăng 8,6%; quần áo đạt 1.035,28 triệu cái tăng 5,26%... Một số sản phẩm công nghiệp giảm so cùng kỳ: sữa, kem cô đặc đạt 97,06 nghìn tấn, giảm 5,06%; thuốc lá đạt 1.945,04 triệu bao, giảm 0,05%; giày, dép thể thao đạt 175,85 nghìn đôi, giảm 2,8%...

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tháng 12 tăng 4,68% so với tháng trước, tăng 10,87% so với tháng cùng kỳ. Cộng dồn cả năm, chỉ số tiêu thụ tăng 27,7%. Trong đó nhiều ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: sản xuất sản phẩm điện tử; dệt; sản xuất kim loại; sản xuất xe có động cơ; sản xuất thiết bị điện...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 1/12 tăng 34,16% so với tháng cùng kỳ. Ngành có chỉ số tồn kho tăng: sản xuất đồ uống; dệt; sản xuất trang phục; hóa chất; kim loại... Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; sản xuất thiết bị điện; sản xuất xe có động cơ; sản xuất phương tiện vận tải; sản xuất tủ giường bàn ghế...

III. XÂY DỰNG

Mặc dù trong năm 2017 ngành xây dựng chịu tác động của biến động giá nguyên vật liệu, chủ yếu là giá cát xây dựng tăng cao, nhưng hoạt động xây dựng trên địa bàn Thành phố, đặc biệt là những tháng cuối năm trở nên sôi động hơn nhờ vào chính sách tài chính và ưu đãi của Ngân hàng dành cho ngành bất động sản thời gian qua, do tâm lý mua và xây nhà mới đón Tết của người dân. Ngoài ra, hàng loạt công trình trọng điểm kết nối giao thông để phát triển đột phá vùng kinh tế phía nam mà thành phố Hồ Chí Minh là đầu tàu đã thu hút một nguồn vốn khổng lồ, nhiều nhất là vốn đầu tư nước ngoài giúp cho hoạt động xây dựng trong năm sôi nổi. Dự đoán hoạt động xây dựng sẽ tiếp tục tăng trưởng trong năm 2018.

Giá trị sản xuất xây dựng cả năm theo giá hiện hành ước đạt 247.525,16 tỷ đồng, bao gồm:

- + Khu vực Nhà nước đạt 14.719,23 tỷ đồng, chiếm 5,95%;
- + Khu vực ngoài Nhà nước đạt 212.732,65 tỷ đồng, chiếm 85,94%;
- + Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 20.073,29 tỷ đồng, chiếm 8,11%.

Trong tổng giá trị sản xuất: giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà chiếm 53,36%; công trình kỹ thuật dân dụng chiếm 28,36% và hoạt động xây dựng chuyên dụng chiếm 18,28%.

Giá trị sản xuất xây dựng cả năm theo giá so sánh ước đạt 191.848,42 tỷ đồng, tăng 8,19% so với năm 2016, bao gồm:

- + Khu vực Nhà nước đạt 11.329,06 tỷ đồng, giảm 15,95%;
- + Khu vực ngoài Nhà nước đạt 164.678,71 tỷ đồng, tăng 10,97%;
- + Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 15.840,65 tỷ đồng, tăng 2,59%.

Trong tổng giá trị sản xuất: giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà tăng 11,15%; công trình kỹ thuật dân dụng tăng 1,61% và hoạt động xây dựng chuyên dụng tăng 10,55%.

IV. ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Tổng vốn đầu tư trên địa bàn năm 2017 ước thực hiện 365.710 tỷ đồng, đạt 100,21% kế hoạch, tăng 18,4% so năm 2016, cao hơn tốc độ tăng của năm trước (năm 2016 tăng 8,7%). Tốc độ tăng vốn trên địa bàn năm nay khá cao, do nguồn vốn tín dụng cho vay đầu tư của các ngân hàng vào ngành bất động sản tăng mạnh, nguồn vốn nước ngoài đầu tư vào bất động sản, ngành công nghiệp, tài chính tăng. Cụ thể một số dự án được cấp phép mới trong năm với tổng vốn đăng ký lớn như: Khu phức hợp thông minh, quận 2, với vốn đầu tư 885,8 triệu USD; Tòa nhà Center 1, Saigon Silicon City trong khu công nghệ cao, với tổng vốn đầu tư 215 triệu USD; Công ty TNHH Tech Mastery Việt Nam, tại khu công nghiệp Tân tạo, với tổng vốn đầu tư 80 triệu USD...

Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn

	Thực hiện năm 2017 (tỷ đồng)	So với năm 2016 (%)	Tỷ trọng (%)
Tổng số	365.710	118,4	100,0
- Vốn nhà nước	59.613	105,9	16,3
- Vốn ngoài nhà nước	249.223	121,8	68,1
- Vốn nước ngoài	56.874	118,5	15,6

Vốn đầu tư so GRDP bằng 34,5%, tỷ lệ này của năm 2016 là 30,3%.

Trong đó:

Vốn đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn thuộc ngân sách thành phố: Ước thực hiện năm 2017 là 25.310,1 tỷ đồng, đạt 87,2% kế hoạch năm, tăng 10,7% so năm 2016. Cấp thành phố ước thực hiện 16.352,3 tỷ đồng, tăng 19,2%; cấp quận huyện ước thực hiện 8.957,8 tỷ đồng, chiếm 35,4%, bằng 73,7%.

Vốn đầu tư thực hiện thuộc ngân sách thành phố

	Thực hiện năm 2017 (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch	Năm 2016
Tổng số	25.310,1	87,2	110,7
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	789,9	93,0	69,5
Cấp thành phố	16.352,3	77,6	119,2
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	474,2	103,6	84,0
Cấp quận huyện	8.957,8	89,5	73,7

Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	315,7	80,7	61,4
----------------------------	-------	------	------

Tháng cuối năm, các Sở ngành và khối quận huyện đang gấp rút đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án để hoàn thành kế hoạch đặt ra, cụ thể tháng 12 so với tháng 11 tăng 73,4%. Trong năm có nhiều dự án hoàn thành đưa vào sử dụng như: Cầu Nhị Thiên Đường; cầu vượt vào sân bay Tân Sơn Nhất; các đường nối với đường Võ Văn Kiệt; nhiều trường học phục vụ cho năm học 2017-2018... Bên cạnh những thuận lợi trên, trong năm vẫn còn một số tồn tại như: tiến độ giải phóng mặt bằng ở các quận huyện gặp nhiều khó khăn; dự án khởi công mới khâu lập kế hoạch, thiết kế mất rất nhiều thời gian; kế hoạch giao vốn (đợt 2) cho các Sở ngành, quận huyện còn chậm làm áp lực cho các Sở ngành, quận/huyện dồn khối lượng thực hiện vào những tháng cuối năm...

Tình hình giải ngân vốn ODA: tổng vốn kế hoạch ODA Trung ương cấp 4.034,2 tỷ đồng, ước tính năm 2017 giải ngân 4.077,5 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là dự án Tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên và dự án cải thiện môi trường nước Thành phố (giai đoạn 2).

Tình hình thực hiện một số chương trình mục tiêu trong năm như sau:

– **Chương trình giảm ùn tắc giao thông:** Vốn từ ngân sách có 306 dự án, với kế hoạch vốn 8.597,5 tỷ đồng, thực hiện cả năm ước đạt trên 88,6%. Vốn ngân sách hàng năm để giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông trong những năm gần đây tăng cao, nhưng tình hình ùn tắc ngày càng nghiêm trọng hơn, cụ thể đường vào sân bay Tân Sơn Nhất liên tục bị kẹt xe, dù đã có nhiều giải pháp như xây dựng mới nhiều cầu vượt, phân luồng...Nguyên nhân do: ý thức chấp hành giao thông của người dân còn kém, phương tiện tham gia giao thông như: ô tô, xe máy tăng nhanh, phân luồng xe chưa hợp lý... Trong lúc diện tích mở rộng đường và đường làm mới tăng chậm.

– **Chương trình giáo dục - đào tạo:** kế hoạch trong năm vốn từ ngân sách thành phố có 258 dự án trường học, với kế hoạch vốn 2.196,1 tỷ đồng, thực hiện cả năm đạt 86,6%. Trong năm nhiều trường học được khánh thành đưa vào phục vụ giảng dạy, tập trung nhiều ở các quận huyện ngoại thành, như: Huyện Bình Chánh; huyện Củ Chi; Huyện Nhà Bè...

– **Chương trình đầu tư cho Y tế:** kế hoạch trong năm vốn từ ngân sách thành phố có 54 dự án và 2 dự án vốn ngân sách Trung ương gồm Bệnh viện nhi đồng thành phố và cơ sở 2 bệnh viện ung bướu, với kế hoạch vốn 4.126,3 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm đạt 87,5%. Tập trung chủ yếu là các dự án phục vụ giảm tải và xây mới ở các bệnh viện.

– **Chương trình nước sạch:** Theo kế hoạch trong năm có 13 dự án, với kế hoạch vốn giao 281,7 tỷ đồng, ước thực hiện cả năm đạt 86,5%. Tập trung chủ yếu vào dự án chống tắt thoát nước và dự án di dời tái lập tuyến ống cấp thoát nước thuộc công ty TNHH cấp nước Bình An.

– **Chương trình chống ngập nước, thoát nước:** Kế hoạch trong năm có 138 dự án chống ngập và thoát nước trên địa bàn với vốn 2.230,5 tỷ đồng, khối lượng thực hiện cả năm đạt trên 89,7%. Do triều cường hàng năm ngày càng tăng, cộng với cơ sở hạ tầng thiếu tính đồng bộ, xuống cấp, nên số điểm ngập ngày càng tăng cả nội và ngoại thành, cụ thể: Quận Thủ Đức, Quận Bình Thạnh, Quận Tân Phú, Quận 6, Quận 7, Huyện Bình Chánh, Huyện Nhà Bè, Quận 12...

2. Cấp giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân

Tính đến ngày 30/11, toàn thành phố đã cấp 57.347 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 11.193,1 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 56.532 giấy phép, với diện tích 11.103,3 ngàn m² và 815 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 89,8 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 5,7% về giấy phép (+3.115) và tăng 1,9% về diện tích (+184,9 ngàn m²).

3. Cấp phép dự án có vốn đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/12, Thành phố đã cấp phép 802 dự án có vốn nước ngoài với tổng vốn đăng ký đạt 2.344,7 triệu USD, gấp 2,6 lần so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn của 9 ngành dịch vụ chủ yếu của Thành phố chiếm đến 74,3%, gấp đôi cùng kỳ.

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư có 193 dự án với số vốn đạt 962,1 triệu USD; góp vốn, mua cổ phần có 2.253 trường hợp với vốn đầu tư 3.013 triệu USD.

Tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần đến ngày 15/12 trên địa bàn thành phố đạt 6.319,8 triệu USD, gấp đôi cùng kỳ năm trước.

Phân loại các dự án được cấp phép mới:

– **Theo hình thức đầu tư:** 100% vốn nước ngoài 703 dự án với vốn đầu tư đạt 1.907,6 triệu USD; liên doanh 98 dự án, vốn đầu tư đạt 436,8 triệu USD; hợp đồng hợp tác kinh doanh 1 dự án, vốn đầu tư 0,3 triệu USD.

– **Theo lĩnh vực đầu tư:** dẫn đầu là hoạt động kinh doanh bất động sản với 25 dự án, vốn đầu tư đạt 1.017,1 triệu USD, chiếm 43,4% tổng vốn đăng ký cấp mới. Kế đến là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 46 dự án, vốn đầu tư đạt 567,7 triệu USD (chiếm 24,2%); hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ 185 dự án, vốn đầu tư đạt 322,8 triệu USD (chiếm 13,8%); thương nghiệp 314 dự án, vốn đầu tư 220,5 triệu USD (chiếm 9,4%); thông tin truyền thông 101 dự án, vốn đầu tư 89,4 triệu USD; vận tải kho bãi 33 dự án, vốn đầu tư 53,6 triệu USD, xây dựng 44 dự án, vốn đầu tư 29,4 triệu USD...

– **Theo quốc gia đầu tư:** thành phố đã có 56 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư. Trong đó, Hàn Quốc chiếm đến 45,1% tổng vốn cấp mới với 149 dự án; Hoa Kỳ 39 dự án, vốn đầu tư đạt 558,6 triệu USD (chiếm 23,8% tổng vốn);

Nhật Bản 136 dự án, vốn đầu tư đạt 162,2 triệu USD (chiếm 6,9%); Singapore 102 dự án, vốn đầu tư đạt 140,5 triệu USD (chiếm 6%); Trung Quốc 29 dự án, vốn đầu tư 123,2 triệu USD (chiếm 5,3%); Hồng Kông 45 dự án, vốn đầu tư 64,7 triệu USD; Hà Lan 21 dự án, vốn đầu tư 64,4 triệu USD; Malaysia 21 dự án, vốn đầu tư 52,7 triệu USD...

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Từ đầu năm đến ngày 15/12, đã có 40.573 doanh nghiệp đăng ký thành lập với tổng vốn đạt 583.753 tỷ đồng, tăng 14,9% về số giấy phép và gấp đôi về vốn so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký bình quân đạt 14,4 tỷ đồng, tăng 73,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, 9 ngành dịch vụ chủ yếu của Thành phố chiếm tỷ trọng rất cao, đạt ¾ về số lượng doanh nghiệp được cấp phép và vốn đăng ký cấp mới; tăng 14,9% về số giấy phép và tăng gấp đôi về vốn so với cùng kỳ.

Phân theo loại hình: chiếm đến 86,5% là số lượng cấp phép của loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn với tổng vốn đăng ký đạt 316.300 tỷ đồng (chiếm 54,2% tổng vốn), gấp đôi vốn so với cùng kỳ. Công ty cổ phần có 4.932 doanh nghiệp, tăng 23,9% so với cùng kỳ; vốn đầu tư đạt 267.028 tỷ đồng (chiếm 45,7%), tăng 96,7%. Doanh nghiệp tư nhân 553 dự án, vốn đầu tư đạt 398 tỷ đồng, giảm 0,8% so với vốn cùng kỳ năm trước.

Phân theo khu vực kinh tế:

– **Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:** cấp phép thành lập 220 doanh nghiệp, tăng 19,6% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 2.483 tỷ đồng, tăng 46,5% so cùng kỳ.

– **Khu vực công nghiệp, xây dựng:** số lượng doanh nghiệp là 8.552 đơn vị với vốn đăng ký đạt 115.298 tỷ đồng, tăng 11,8% về số giấy phép và tăng 86,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xây dựng 4.083 doanh nghiệp (chiếm 47,7% trong khu vực), vốn đầu tư đạt 85.310 tỷ đồng (chiếm 74%); công nghiệp 4.237 doanh nghiệp, vốn đầu tư đạt 21.341 tỷ đồng, tăng 30,3% so với cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực thương mại, dịch vụ:** có 31.801 doanh nghiệp, vốn đăng ký đạt 465.972 tỷ đồng, tăng 15,7% về số giấy phép và gấp đôi so với cùng kỳ năm trước. Số lượng vốn tập trung chủ yếu tại một số ngành như kinh doanh bất động sản với 2.465 đơn vị, vốn đăng ký đạt 256.938, đạt 55% tổng vốn khu vực, tăng 62,6% về số lượng được cấp phép và gấp đôi so về vốn so với cùng kỳ năm trước. Kế đến là ngành thương mại với 15.371 doanh nghiệp, tăng 11,4%; vốn đăng ký 83.646 tỷ đồng, tăng 55,7%. Khoa học công nghệ có 3.867 doanh nghiệp, vốn đăng ký đạt 35.431 tỷ đồng (gấp đôi cùng kỳ).

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động:

Từ đầu năm đến ngày 30/11, thành phố đã có 3.035 doanh nghiệp giải thể, trong đó loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn chiếm 78,9%, công ty cổ phần chiếm 11,9%, đầu tư nước ngoài chiếm 3,6%. Bên cạnh đó có 5.790 doanh nghiệp ngưng hoạt động, 11.244 doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh.

V. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Trong năm, Thành phố đã xây dựng nhiều kế hoạch, thực hiện các chương trình hành động nhằm thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển ổn định và bền vững. Khoa học kỹ thuật được áp dụng rộng rãi, cơ cấu sản phẩm có sự chuyển hướng tích cực từ lượng sang chất. Với những thành tựu đạt được trong lĩnh vực chuyển giao công nghệ, Ngành nông nghiệp Thành phố phân đầu trở thành trung tâm giống cây trồng và vật nuôi chất lượng cao đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp của các tỉnh phía Nam.

1. Nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục chuyển đổi cơ cấu, phát triển cây trồng và vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện sản xuất tại thành phố. Một số chương trình và chính sách được thực hiện như phát triển rau an toàn, hoa cây kiểng, đề án nâng cao chất lượng bò sữa, dự án trại thực nghiệm chăn nuôi bò sữa công nghệ cao Israel, đã nâng cao được uy tín và chất lượng sản phẩm của Ngành.

1.1. Trồng trọt

Diện tích gieo trồng cây hàng năm ước đạt 41.552,9 ha, giảm 1,8% so với năm 2016. Trong đó, diện tích lúa chiếm 46,2%, giảm 1,5%; sản lượng đạt 86.253,3 tấn, tăng 1,3% so năm trước. Diện tích gieo trồng rau các loại chiếm 19%, giảm 0,6%, sản lượng đạt 230.626,6 tấn, tăng 3,4%. Diện tích hoa, cây cảnh là 1.366,4 ha, tăng 9,2%. Nhìn chung, năng suất các loại cây trồng hàng năm tăng so với năm trước.

Dự ước kết quả sản xuất một số cây hàng năm chủ yếu

	Thực hiện năm 2017			% so năm 2016		
	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích	Năng suất	Sản lượng
Tổng số	41.552,9			98,2		
Lúa	19.184,3	45,0	86.253,3	98,5	102,8	101,3
Bắp	471,7	37,5	1.769,5	98,2	101,2	99,4
Rau các loại	7.915,3	291,4	230.626,6	99,4	104,1	103,4
Đậu phộng	146,1	31,2	455,2	69,4	98,4	68,2
Mía	1.955	739,2	144.520	89,9	107,4	96,6

Lúa đông xuân năm nay đã xuống giống 2.166 ha, trong đó huyện Củ Chi chiếm 77,1%; rau 2.304,8 ha, tăng 5,2% .

Tình hình sinh vật gây hại: tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa vụ mùa 2017 là 1.339,3 ha, giảm 18%. Trong tháng, diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau là 627,3 ha, giảm 12,3% (diện tích phòng trừ là 1.163,1 ha). Các sinh vật hại đều có mật số và tỷ lệ bệnh ở mức nhẹ.

Từ đầu năm đến nay, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp đã đánh giá và chứng nhận VietGap cho 96 cơ sở sản xuất rau, quả với tổng diện tích canh tác là 64,85 ha. Số lượng chứng nhận VietGap còn hạn là 244 cơ sở tương đương 239,6 diện tích canh tác.

1.2. Chăn nuôi:

Theo kết quả điều tra chăn nuôi ngày 1/10/2017, có 958 hộ chăn nuôi trâu với tổng đàn 5.377 con, tăng 7,6% so với thời điểm 1/10/2016; trong đó, sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong kỳ đạt 583 tấn, tăng 3,7% so với cùng kỳ. Đàn bò có 7.810 hộ nuôi bò thịt và 5.798 hộ nuôi bò sữa với tổng đàn bò 125 ngàn con, giảm 2,1%; trong đó, đàn bò thịt chiếm 32,5% tổng đàn, tăng 8,2% và đàn bò sữa chiếm 67,5%, giảm 6,4%. Chăn nuôi heo có 5.671 hộ với tổng đàn 302,8 ngàn con, tăng 7,6%. Gia cầm và chăn nuôi khác có 4.620 đơn vị nuôi gà với tổng đàn 424,6 ngàn con, tăng 1,6%; trong đó, đàn gà thịt chiếm 94,5% tổng đàn gà, tập trung tại hộ gia công cho công ty CP và trang trại gà An Phú - Củ Chi thuộc Tổng Công Ty Nông Nghiệp Sài Gòn.

Công tác phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được các lực lượng chức năng tăng cường, thường xuyên kiểm tra, đảm bảo giữ vững không xảy ra dịch bệnh gia súc, gia cầm. Đồng thời giám sát chặt chẽ các hoạt động vận chuyển, giết mổ, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trái phép.

Thực hiện chương trình phát triển ngành chăn nuôi, Trung tâm cây giống và vật nuôi đã thực hiện bình tuyến, lập lý lịch, theo dõi khả năng sinh sản, phối giống, năng suất sữa bò, hỗ trợ máy móc thiết bị cho một số hộ chăn nuôi bò sữa; chuyển giao kết quả đánh giá tiến bộ di truyền giống heo theo phương pháp BLUP. Chất lượng sản phẩm chăn nuôi ngày càng được cải thiện.

2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn Thành phố hiện nay là 38.864 ha, trong đó diện tích đất có rừng là 35.794 ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 17,46%, tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh là 37,15%.

Tính đến nay, sản lượng cây lâm nghiệp trồng phân tán là 251.000 cây, tăng 1,74% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích trồng rừng được chăm sóc là 581 ha, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng khai thác củi đạt 3.058 ste, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước, sản lượng nguyên liệu giấy ngoài gỗ đạt 58.747 tấn, tăng 1,03%.

Từ đầu năm đến nay, đã xảy ra 18 vụ vi phạm về phá rừng trái pháp luật (3

vụ); khai thác lâm sản trái phép (6 vụ); vận chuyển lâm sản trái phép (9 vụ).

Chi cục Kiểm lâm đã tổ chức 967 lượt tuần tra bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng; phối hợp truy quét phá rừng 129 đợt; kiểm tra công tác bảo vệ phòng cháy chữa cháy rừng đối với chủ rừng 319 lượt; tổ chức 489 lượt kiểm tra gây nuôi động vật hoang dã.

3. Thủy sản

Sản lượng thủy sản năm 2017 ước đạt 59.043,6 tấn, tăng 0,45% so năm trước. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 18.956,7 tấn, giảm 2,21%; sản lượng tôm ước đạt 16.085,1 tấn, giảm 1,85%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 24.001,8 tấn, tăng 4,32%. Trong đó:

– Sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 19.976,7 tấn, tăng 1%. Trong đó, sản lượng khai thác thủy sản biển chiếm 86,4%, tăng 1,7%; sản lượng khai thác thủy sản nội địa chiếm 13,6%, giảm 3%.

– Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 39.067,0 tấn, tăng 0,2%. Trong đó, sản lượng cá chiếm 21,6%, giảm 8%; tôm chiếm 32,6%, giảm 2,6%; sản lượng thủy sản khác chiếm 45,8%, tăng 6,8%.

Dịch bệnh trên tôm tại huyện Cần Giờ: từ đầu năm đến nay, đã có 244 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 155,73 ha, đã có 97 hộ với 48,3 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý

Tình hình thả nuôi tôm: tính đến ngày 10/12, có 603 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 175,6 triệu con giống trên diện tích 3.074,1 ha. Tôm thẻ chân trắng là 2.019 lượt hộ thả nuôi với 981,6 triệu con giống trên diện tích 2.771,1 ha. Thành phố hiện có 447 cơ sở nuôi tôm xây dựng mô hình nuôi thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm tại huyện Nhà Bè và Cần Giờ với tổng diện tích là 551,6 ha.

VI. NỘI THƯƠNG

Hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch trên địa bàn thành phố tiếp tục phát triển ổn định, đạt mức tăng trưởng khá. Mạng lưới phân phối hàng hóa được tăng cường và mở rộng về số lượng và đa dạng về ngành nghề kinh doanh. Các hệ thống siêu thị thường xuyên tổ chức nhiều chương trình khuyến mãi, giảm giá đã thu hút sự quan tâm mua sắm của nhiều người dân với chi phí tiết kiệm.

Trong những tháng cuối năm, các hệ thống kinh doanh online (Lazada, Tiki, vatgia.com, 5s.vn, muare.vn, Hotdeal, muaban.net) liên tục đưa ra nhiều chương trình giảm giá bán hàng trên mạng, tạo nên sức hút rất lớn đối với người tiêu dùng trong việc lựa chọn mua sắm hàng hóa.

Theo kế hoạch các doanh nghiệp thành phố đã chuẩn bị nguồn hàng phục vụ tết với tổng giá trị hàng hóa ước tính 17.812,1 tỷ đồng, tăng 743,3 tỷ đồng (4,17%) so với Tết Đinh Dậu 2017. Trong đó, giá trị hàng bình ổn thị trường là 7.044,8 tỷ đồng. Dự kiến nhiều nhóm hàng được chuẩn bị với số lượng lớn, có thể chi phối một phần nhu cầu của

thị trường như: thịt gia cầm (57,1%), trứng gia cầm (47,1%), thực phẩm chế biến (39,1%), thịt gia súc (35,5%), dầu ăn (34,5%), gạo (29,3%)...

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ trên địa bàn thành phố tháng 12 ước đạt 84.615,9 tỷ đồng, tăng 2,51% so với tháng trước. **Ước tính cả năm, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt 923.842,5 tỷ đồng, tăng 11,32% so năm 2016.**

Nhìn chung, sức mua của dân cư thành phố tăng nhẹ ở một số ngành như lương thực – thực phẩm, hàng may mặc, vật phẩm văn hóa giáo dục, phương tiện xe máy... do giá cả ổn định, hàng hóa dồi dào, nhu cầu chuyển đổi sang mặt hàng mới có nhiều tiện ích. Các ngành hàng có tốc độ tăng cao tập trung vào các sản phẩm nâng cao chất lượng sống và nhu cầu đi lại như phương tiện đi lại, đồ dùng dụng cụ gia đình, gỗ - vật liệu xây dựng, xăng dầu.

Chia theo thành phần kinh tế:

– Kinh tế nhà nước 67.179,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 7,3%, tăng 8,23% so năm 2016;

– Kinh tế ngoài nhà nước 725.621,4 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 78,5%, tăng 10,65% so năm 2016. Trong đó, chủ yếu là khối doanh nghiệp tư nhân, được xem là thành phần kinh tế năng động, tuy nhiên đa số là doanh nghiệp nhỏ và vừa, vốn yếu, trình độ quản lý không cao nên khó cạnh tranh đối với các tập đoàn bán lẻ có kinh nghiệm, kinh doanh bài bản trong dài hạn.

– Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 131.041,2 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 14,2%, tăng 16,94% so năm 2016. Trong năm, nhiều tập đoàn bán lẻ quốc tế đã đầu tư và mở rộng hệ thống kinh doanh tại thành phố như Aeon - Nhật Bản; C.J - Hàn Quốc; Central Group - Thái Lan.. khiến thị trường bán lẻ cạnh tranh sôi động.

Chia theo ngành kinh tế:

a. Thương nghiệp bán lẻ hàng hóa: tháng 12 ước đạt 54.385,5 tỷ đồng, tăng 2,39% so tháng trước. Ước tính cả năm đạt 594.647,1 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 64,4% trong tổng mức, tăng 11,29%.

Trong đó lương thực thực phẩm chiếm 11%; tăng 10,62%; May mặc chiếm 4,3%, tăng 11,97%; Đồ dùng, trang thiết bị gia đình chiếm 12,2%, tăng 11,06%; Phương tiện đi lại chiếm 4,8%, tăng 14,27% (trong đó ô tô các loại chiếm 1,7%, tăng 14,58%); Xăng dầu chiếm 5,5%, tăng 13,87%. Nhóm hàng hóa khác chiếm 21,8%, tăng 10,27%.

b. Khách sạn nhà hàng: ước tính tháng 12 đạt 7.993,7 tỷ đồng, tăng 3,62% so tháng trước. Cả năm ước đạt 90.346,8 tỷ đồng, chiếm 9,8% trong tổng mức, tăng 10,46%. Trong đó, doanh thu khách sạn tăng 12,46%; doanh thu nhà hàng tăng 10,25%.

c. Du lịch: tháng 12 ước đạt 2.416,5 tỷ đồng, tăng 2,78% so tháng trước. Ước tính cả năm đạt 23.646,7 tỷ đồng, chiếm 2,6% trong tổng mức, tăng 19,18% so năm 2016.

d. Dịch vụ tiêu dùng khác: tháng 12 ước đạt 19.820,2 tỷ đồng, tăng 2,37% so tháng trước. Ước tính cả năm đạt 215.201,9 tỷ đồng, chiếm 23,3% trong tổng mức, tăng 10,95%.

VII. XUẤT NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 12 đạt 3.332,7 triệu USD, tăng 7,0% so tháng trước. **Ước tính cả năm 2017 đạt 35.548,4 triệu USD, tăng 16,1% so năm 2016.**

Loại trừ giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu cả năm 2017 ước đạt 32.460,8 triệu USD, tăng 16%.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố xuất qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô ước thực hiện tháng 12 đạt 2.935,2 triệu USD, tăng 1,5% so tháng trước. Ước tính cả năm 2017 đạt 32.778,9 triệu USD, tăng 11,4% so năm 2016. Loại trừ dầu thô ước cả năm 2017 đạt 29.691,2 triệu USD, tăng 10,8%. Chia ra:

+ Thành phần kinh tế nhà nước đạt 3.811,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 11,6%, tăng 6,7%.

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 10.639,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 32,5%, tăng 5,9%.

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 18.327,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 55,9%, tăng 16,0%.

Thị trường xuất khẩu chủ yếu: đứng đầu là Trung Quốc với 6.613,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 20,2%; vị trí thứ 2 là Hoa Kỳ với 5.777,3 triệu USD, chiếm 17,6%; vị trí thứ 3 là Nhật Bản với 3.058,4 triệu USD, chiếm 9,3%; vị trí thứ 4 là Hàn Quốc với 1.688,0 triệu USD, chiếm 5,1%; vị trí thứ 5 là Hồng Kông với 1.496,1 triệu USD, chiếm 4,6%.

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu (không kể dầu thô):

– **Nhóm hàng nông lâm thủy hải sản** đạt 5.079,4 triệu USD, tăng 2,1% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 17,1%. Trong đó:

+ Gạo đạt 820,6 triệu USD, tăng 8,7%. Lượng gạo xuất khẩu đạt 958,2 ngàn tấn, tăng 54,3%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc (62,2%), Philippines (8,3%), Ghana (7,9%), Bờ Biển Ngà (5,2%), Malaysia (2,3%)...

+ Cà phê đạt 718,7 triệu USD, giảm 12,4%. Lượng cà phê xuất khẩu đạt 396 ngàn tấn, giảm 49,2%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Đức (18,2%), Hoa Kỳ (12,9%), Tây Ban Nha (11,7%), Ý (8,8%), Algeria (4,3%)...

+ Cao su đạt 740,3 triệu USD, tăng 17,2%. Lượng cao su xuất khẩu đạt 313,5 ngàn tấn, giảm 11,7%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc (55,7%), Malaysia (10,5%), Ấn Độ (6,2%), Hàn Quốc (4%), Sri Lanka (3%)...

+ Hàng thủy hải sản đạt 835,5 triệu USD, tăng 15,5%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Nhật Bản (20,5%), Hàn Quốc (12%), Malaysia (9,3%), Trung Quốc (7,5%), Hoa Kỳ (7,1%)...

+ Hàng lâm sản đạt 519,3 triệu USD, giảm 5%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Hoa Kỳ (32,4%), Hàn Quốc (12,6%), Trung Quốc (11,7%), Nhật Bản (6,5%), Anh (5,9%)...

– **Nhóm hàng công nghiệp** đạt 22.138,9 triệu USD, tăng 11,1% và chiếm tỷ trọng 74,6%. Trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 8.415,3 triệu USD, tăng 26% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 25,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không kể giá trị dầu thô. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc (37,6%), Hồng Kông (13%), Hoa Kỳ (8,8%), Malaysia (8,1%), Hàn Quốc (5,3%)...

+ Hàng dệt, may ước đạt 5.325,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 16,2%, giảm 3,7% so cùng kỳ. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Hoa Kỳ (45,1%), Nhật Bản (16,5%), Hàn Quốc (7,6%), Trung Quốc (4,6%), Anh (4%)...

+ Hàng giày dép ước đạt 2.528,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,7%, tăng 1,0% so cùng kỳ. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Hoa Kỳ (29,3%), Đức (11,6%), Trung Quốc (7,6%), Nhật Bản (6,6%), Anh (5,2%)...

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng ước đạt 2.226,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 6,8%, tăng 9,9% so cùng kỳ. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Nhật Bản (19,5%), Trung Quốc (13%), Hoa Kỳ (11,7%), Hồng Kông (7,9%), Ấn Độ (5,5%)...

– **Nhóm hàng hóa khác** đạt 2.472,9 triệu USD, tăng 28,3%.

* Riêng dầu thô: ước đạt 7.394,7 ngàn tấn, giảm 4,2%; về trị giá đạt 3.087,7 triệu USD, tăng 17,5%.

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 12 đạt 4.172,4 triệu USD, tăng 3,4% so tháng trước. **Ước tính cả năm 2017 đạt 43.301,2 triệu USD, tăng 13,6% so năm 2016.**

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố nhập **qua cửa khẩu Thành phố** như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 12 ước đạt 3.253,5 triệu USD, giảm 2,9% so tháng trước. Ước tính cả năm 2017 đạt 36.570,4 triệu USD, tăng 10,2%. Chia ra:

+ Thành phần kinh tế nhà nước đạt 1.896,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,2%, tăng 16,3%.

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 18.971,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 51,9%, tăng 7,5%.

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 15.702,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 42,9%, tăng 12,8%;

Thị trường nhập khẩu chủ yếu: đứng đầu là Trung Quốc với 10.517,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 28,8%; vị trí thứ 2 là Singapore với 3.111,1 triệu USD, chiếm 8,5%; vị trí thứ 3 Hàn Quốc là với 3.061,8 triệu USD, chiếm 8,4%; vị trí thứ 4 là Hoa Kỳ với 2.427,8 triệu USD, chiếm 6,6%; vị trí thứ 5 là Thái Lan với 2.297,9 triệu USD, chiếm 6,3%.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong cả năm 2017:

(Chỉ tính kim ngạch của doanh nghiệp Thành phố nhập qua cảng Thành phố)

+ Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: nhập 8.705,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 23,8%, tăng 23,3%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Trung Quốc (46,7%), Hoa Kỳ (16,2%), Đài Loan (9,1%), Hàn Quốc (8,7%), Singapore (4,9%)...

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng: nhập 4.573,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 12,5%, tăng 4,2%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Trung Quốc (26,2%), Nhật Bản (11,4%), Singapore (10,2%), Hàn Quốc (8,2%), Đức (6,1%)...

+ Vải các loại: nhập 2.333,0 triệu USD, tăng 0,4%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Trung Quốc (42,7%), Đài Loan (16,0%), Hàn Quốc (14,9%), Nhật Bản (10,8%), Hồng Kông (5,8%)...

+ Chất dẻo nguyên liệu: nhập 1.808,0 triệu USD, tăng 4,3%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Singapore (17,2%), Hàn Quốc (11,1%), Đài Loan (11,1%), Thái Lan (11,1%), Trung Quốc (10,1%)...

+ Xăng dầu các loại: nhập 997,6 triệu USD, tăng 70,5%; về lượng ước nhập 1.531,3 ngàn tấn, tăng 35,0%.

+ Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày nhập 732,3 triệu USD, giảm 2,3%.

+ Sắt thép các loại: nhập 3.377,4 ngàn tấn, giảm 74,3%; kim ngạch đạt 1.389,0 triệu USD, giảm 8,6%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Trung Quốc (60,6%), Nhật Bản (13,2%), Ấn Độ (8,9%), Hàn Quốc (5,3%), Đài Loan (4,0%)...

+ Dược phẩm đạt 1.416,2 triệu USD, tăng 10,9%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Pháp (16,8%), Bỉ (10,0%), Ấn Độ (9,3%), Singapore (9,1%), Đức (8,6%)...

VIII. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách tháng 12 ước đạt 8.109,6 tỷ đồng, tăng 4,5% so với tháng trước và tăng 17,0% so với cùng kỳ.

Ước tính cả năm đạt 81.652,5 tỷ đồng, tăng 12,4% so với năm trước. Vận tải hàng hóa chiếm 72,5%, tăng 8,6% so năm trước; vận tải hành khách chiếm 27,5%, tăng 23,9%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách năm 2017

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so năm 2016	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	59.204,5	22.448,0	108,6	123,9
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	4.438,8	330,1	100,9	90,2
Kinh tế ngoài nhà nước	54.456,8	16.722,8	109,4	122,7
Kinh tế có vốn nước ngoài	308,9	5.395,1	86,3	130,9
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	37.376,7	17.059,3	115,5	122,3
Đường sông	6.363,4	359,3	109,8	103,2
Đường biển	15.334,4	-	94,4	-
Hàng không	130,0	5.029,6	116,8	131,8

*** Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 12 ước đạt 6.193,1 tỷ đồng, tăng 4,7% so tháng trước. Ước tính cả năm 2017 đạt 59.204,5 tỷ đồng, tăng 8,6% so năm 2016. Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 7,49%, tăng 0,9%. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 92,0%, tăng 9,4%.

Vận tải đường bộ chiếm 63,1%, tăng 15,5%. Vận tải đường biển chiếm 25,9%, giảm 5,6%.

*** Vận tải hành khách:** Doanh thu tháng 12 ước đạt 1.916,5 tỷ đồng, tăng 3,9% so tháng trước. Ước tính cả năm đạt 22.448 tỷ đồng, tăng 23,9% so năm 2016. Kinh tế nhà nước chiếm 1,47%, giảm 9,8%. Ngoài nhà nước chiếm 74,7%, tăng 22,7%, kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 24,0%, tăng 30,9%.

Vận tải đường bộ chiếm 76,0%, tăng 22,3%, đường hàng không chiếm 22,4%, tăng 31,8%.

IX. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước cả năm 2017 ước thực hiện 347.986 tỷ đồng, đạt 100,03% dự toán, tăng 13,32% so năm 2016. Trong đó thu nội địa 221.972 tỷ đồng, đạt 98,01% dự toán, tăng 15,75%; thu từ dầu thô 16.915 tỷ đồng, đạt 136,41% dự toán, tăng 19,00%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 109.100 tỷ đồng, đạt 100,09% dự toán, tăng 7,90%.

Thu ngân sách trên địa bàn

Năm 2017 (Tỷ đồng)	% thực hiện cả năm 2017 so với
-----------------------	-----------------------------------

	Dự toán	Ước TH cả năm	Dự toán	Năm 2016
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước	347.882	347.986	100,03	113,32
I- Thu nội địa	226.482	221.972	98,01	115,75
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	26.447	23.976	90,65	85,80
2. Khu vực ngoài nhà nước	57.147	49.744	87,05	118,24
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	66.884	58.424	87,35	120,33
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	109.000	109.100	100,09	107,90
III- Thu từ dầu thô	12.400	16.915	136,41	119,00

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 10,80% tổng thu nội địa, giảm 14,20%. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 16.570 tỷ đồng, đạt 90,74% dự toán, giảm 18,36%; Nhà nước địa phương ước thực hiện 7.405 tỷ đồng, đạt 90,46% dự toán, giảm 3,15%. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 49.744 tỷ đồng, tăng 18,24%. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 58.424 tỷ đồng, tăng 20,33%.

Thu cân đối ngân sách địa phương cả năm 2017 ước thực hiện 136.075 tỷ đồng, đạt 200,86% dự toán, tăng 20,74% so năm 2016.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) cả năm 2017 ước thực hiện 67.075 tỷ đồng, đạt 94,94% dự toán, tăng 40,36%.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2017 (Tỷ đồng)		% thực hiện cả năm 2017 so với	
	Dự toán	Ước TH cả năm	Dự toán	Năm 2016
Tổng chi (trừ tạm ứng)	70.647	67.075	94,94	140,36
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	25.147	23.493	93,42	130,22
II- Chi thường xuyên	34.200	34.963	102,23	124,33
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	6.054	6.072	100,31	178,23
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	10.551	10.724	101,64	137,25
Sự nghiệp y tế	2.300	2.497	108,58	79,12
Quản lý hành chính	5.661	5.913	104,45	121,87

Chi đầu tư phát triển 23.493 tỷ đồng, đạt 93,42% dự toán, tăng 30,22%. Chi thường xuyên 34.963 tỷ đồng, đạt 102,23% dự toán, tăng 24,33%; trong đó, chi sự

nghiệp kinh tế 6.072 tỷ đồng, đạt 100,31% dự toán, tăng 78,23%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 10.724 tỷ đồng, đạt 101,64% dự toán, tăng 37,25%; chi sự nghiệp y tế 2.497 tỷ đồng, đạt 108,58% dự toán, giảm 20,88%; chi quản lý hành chính 5.913 tỷ đồng, đạt 104,45% dự toán, tăng 21,87% so cùng kỳ 2016.

2. Tín dụng ngân hàng

Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 12 đạt 2.001,69 ngàn tỷ đồng, tăng 1,14% so với tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +0,84%); tăng 12,87% so với tháng cùng kỳ. Trong đó, vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 51,51% tổng vốn huy động, tăng 8,24% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm tỷ trọng 49,76% tổng vốn huy động, tăng 7,54% so với tháng cùng kỳ. Nguồn vốn huy động dự ước tiếp tục duy trì tăng trưởng tích cực, đảm bảo khả năng thanh khoản và điều kiện để tăng trưởng tín dụng đạt kết quả tích cực trong năm 2017.

Theo loại tiền gửi, vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 12%, tăng 11,48% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ tiếp tục tăng trưởng nhanh và chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng nguồn vốn, chiếm 88%; tăng 13,06% so tháng cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 12 đạt 1.728,56 ngàn tỷ đồng, tăng 19,97% so với tháng cùng kỳ và tăng 17,27% so với tháng 12/2016. Trong đó, dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 919,01 ngàn tỷ đồng, chiếm 53,17% tổng dư nợ, tăng 16,11% so tháng cùng kỳ. Dự ước đến cuối năm 2017 dư nợ tín dụng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với các năm trước giúp cho doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

Theo loại tiền, dư nợ bằng ngoại tệ đạt 157,47 ngàn tỷ đồng, chiếm 9,11% tổng dư nợ, tăng 11,63% so với cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 1.571,09 ngàn tỷ đồng, chiếm 90,89% tổng dư nợ, tăng 20,87% so với tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 11 năm 2017, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 346 gồm 342 mã cổ phiếu, 2 mã chứng chỉ quỹ và 2 mã quỹ ETF; tăng 2 mã cổ phiếu so với cuối tháng trước (ngày 06/11 mã cổ phiếu VRE của Công ty Cổ phần Vincom Retail giao dịch phiên đầu tiên; ngày 08/11 mã cổ phiếu PME của Công ty Cổ phần Pymepharco giao dịch phiên đầu tiên; các mã trái phiếu có phiên giao dịch đầu tiên trong tháng này: VIC11711 của Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần, KBC11710 của Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP, NVL11714 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va, CII11713 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, NVL11715 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va).

Giá trị vốn hóa thị trường là 2.520.482 tỷ đồng, tăng 68,96% so với cuối năm 2016. Trong tháng 11/2017 có 22 phiên giao dịch, 19 phiên tăng điểm và 3 phiên giảm

điểm. Lần đầu tiên sau rất nhiều năm, số phiên tăng điểm chiếm áp đảo so với số phiên giảm điểm trong tháng với 86% số phiên tăng điểm. VN-Index có xu hướng tăng vững chắc về cuối tháng và có đồ thị khá gần với đường thẳng. Trong tháng 11, VN-Index thiết lập đỉnh mới kể từ đầu năm ở hầu hết các ngày giao dịch: 06, 07, 08, 09, 10, 13, 14, 15, 16, 20, 21, 22, 23, 24, 27, 28 và 29. Giao dịch trên thị trường vô cùng sôi động khi cả khối lượng và giá trị giao dịch trung bình mỗi phiên trong tháng này đều tăng mạnh so với tháng trước. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 949,93 điểm, tăng 42,87% (tương ứng tăng 285,06 điểm) so với cuối năm 2016 và tăng 13,45% (tương ứng tăng 112,65 điểm) so với cuối tháng trước.

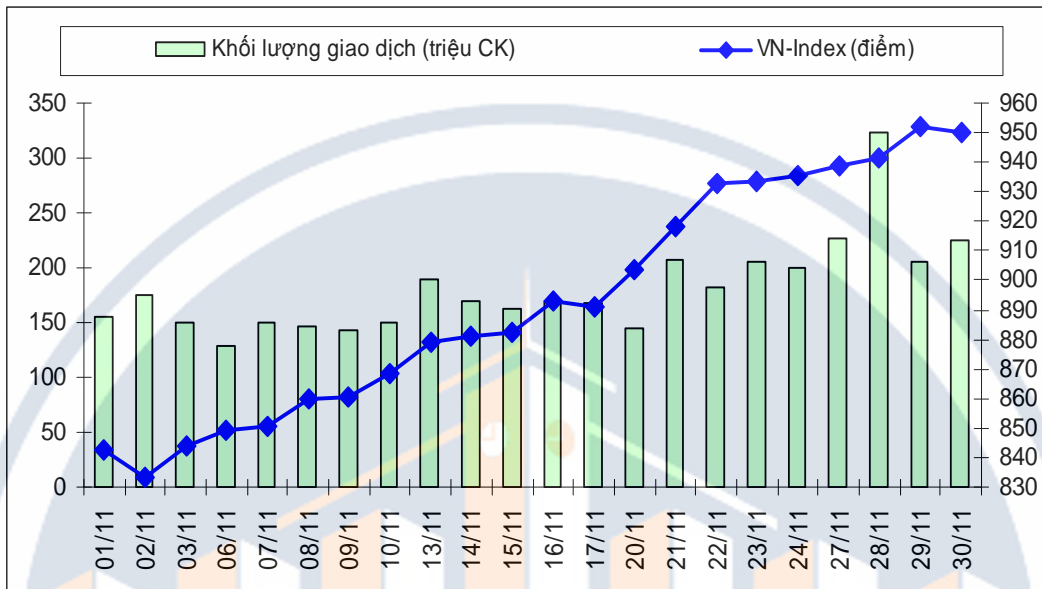
Khối lượng giao dịch trong tháng 11/2017 đạt 5.108,04 triệu chứng khoán, tăng 39,58% so với tháng trước. Giá trị giao dịch trong tháng đạt 154.462,09 tỷ đồng, tăng 82,79% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 232,18 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 7.021,00 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên tăng 39,58% và giá trị giao dịch tăng 82,79% so với tháng trước.

Từ đầu năm đến cuối tháng 11 năm 2017, VN-Index đạt giá trị thấp nhất vào ngày 03/01 với 672,01 điểm và đạt giá trị cao nhất vào ngày 29/11 với 952,14 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 11/2017	11 tháng năm 2017	Tháng 11 so tháng 10	11 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	5.108,04	43.599,21	139,58	147,60
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	5.049,32	43.296,93	139,63	147,27
Trái phiếu	19,56	143,01	303,65	171,52
Chứng chỉ quỹ & ETF	39,16	159,27	105,64	285,99
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	3.977,21	38.684,58	123,84	148,35
Giao dịch thỏa thuận	1.130,83	4.914,63	252,40	141,95
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	154.462,09	946.165,11	182,79	170,17
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	151.868,73	929.229,39	182,23	169,91
Trái phiếu	2.019,94	14.845,55	306,10	173,77
Chứng chỉ quỹ & ETF	573,42	2.090,17	114,44	371,45
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	94.825,55	772.065,81	140,18	168,50
Giao dịch thỏa thuận	59.636,54	174.099,30	353,77	178,04

Đồ thị VN-Index tháng 11/2017 trên SGDCK TP.HCM



Cập nhật đến ngày 15/12/2017, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 348. Giá trị vốn hóa thị trường là 2.482.729 tỷ đồng, tăng 66,43% so với cuối năm trước; VN-Index đạt 935,16 điểm, tăng 270,29 điểm (tương ứng tăng 40,65%) so với cuối năm trước.

X. DÂN SỐ, LAO ĐỘNG VIỆC LÀM VÀ HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Dân số, lao động việc làm

Dân số: ước tính dân số trung bình trên địa bàn thành phố năm 2017 có 8.611,1 ngàn người, tăng 2% so với năm 2016.

Giải quyết việc làm: dự ước cả năm 2017, giải quyết việc làm cho 323.225 lượt người (đạt 115,44 % kế hoạch năm), số việc làm mới tạo ra là 133.331 chỗ việc làm mới (đạt 106,66 % kế hoạch năm), tổ chức 80 phiên giao dịch việc làm. Bên cạnh giải quyết việc làm trong nước, dự ước số lao động được giải quyết việc làm thông qua hoạt động xuất khẩu lao động là 14.212 người.

Chính sách bảo hiểm thất nghiệp: trên địa bàn thành phố có 123.735 người lao động đến Trung tâm dịch vụ việc làm thành phố nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, tăng 8,3%; 120.213 người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp; 123.858 người được tư vấn, giới thiệu việc làm, tăng 6,2%; 15.770 người được hỗ trợ học nghề, tăng 1,7%.

2. Hoạt động văn hóa

* **Các hoạt động lễ hội:** những ngày lễ lớn được tổ chức trọng thể với các hoạt động kỷ niệm, tuyên truyền, cổ động chính trị gắn tình thân giáo dục lòng yêu nước, truyền thống lịch sử của dân tộc, đây chính là điểm nhấn làm cho hình ảnh của Thành phố ngày càng phát triển sinh động và ấn tượng trong mắt du khách trong và ngoài nước.

* **Hoạt động văn hóa, cơ sở:** Thành phố ban hành Bộ tiêu chuẩn các danh hiệu văn hóa trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 – 2021; công tác chỉ đạo và vận động thực hiện phong trào “Vì Thành phố Văn minh – Sạch đẹp – An toàn” được tiếp tục triển khai thực hiện tốt.

* **Hoạt động nghệ thuật:** Thành phố đã tổ chức các Lễ hội Mừng Xuân – Mừng Đảng với nhiều loại hình phong phú, mới lạ, vui tươi nhưng vẫn đậm nét văn hóa dân tộc nhằm phục vụ nhu cầu giải trí cho nhân dân trong những ngày Tết. Tổ chức đoàn nghệ nhân, nghệ sĩ Thành phố Hồ Chí Minh tham gia Liên hoan Đờn ca tài tử Nam bộ năm 2017 tại Long An, đạt 05 giải A. Festival Đờn ca tài tử Quốc gia lần thứ II tại Bình Dương, đạt 03 HCV, 02 HCB tiết mục và 01 giải thưởng thí sinh nhỏ tuổi. Hội diễn nghệ thuật quần chúng Câu hò nổi những dòng sông tại Nghệ An, Đờn ca tài tử Nam bộ - Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại trong khuôn khổ Festival Di sản Quảng Nam.

* **Hoạt động thư viện:** Từ đầu năm đến nay, Thư viện Khoa học Tổng hợp đã được tổ chức khá chuyên nghiệp với các loại hình dịch vụ, tài liệu phục vụ đa dạng, phong phú đáp ứng nhu cầu bạn đọc, thu hút 1.432.545 lượt bạn đọc (đạt 115% kế hoạch) và phục vụ 4.249.668 lượt tài liệu (đạt 108,9% kế hoạch). Tổ chức Lễ hội Đường Sách Tết Đinh Dậu tại đường Nguyễn Huệ - Ngô Đức Kế, Quận 1 với chủ đề “Thành phố mang tên Bác - Khát vọng ngời sáng” thu hút đông đảo khách tham quan (phục vụ 386.619 lượt bạn đọc, 523.811 lượt tài liệu) tạo được ấn tượng tốt đối với người dân Thành phố.

* **Công tác quản lý di sản văn hóa:**

Thành phố hiện có tổng số 172 công trình, địa điểm được xếp hạng di tích bao gồm 2 di tích quốc gia đặc biệt (di tích lịch sử), 57 di tích quốc gia (2 di tích khảo cổ học, 30 di tích kiến trúc nghệ thuật, 25 di tích lịch sử) và 113 di tích cấp thành phố (66 di tích kiến trúc nghệ thuật, 47 di tích lịch sử).

Đối với công tác quản lý di sản văn hóa phi vật thể, thành phố đã thực hiện tốt chức năng quản lý, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn, đã đề xuất thành lập Hội đồng xét tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể lần thứ Hai - năm 2018 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Tổ thư ký giúp việc Hội đồng.

3. Thể dục thể thao

* **Thể dục thể thao cộng đồng:** cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” tiếp tục được triển khai hiệu quả. Phong trào Thể dục Thể thao quần chúng quận, huyện đã trở thành thói quen sinh hoạt, tập luyện thường xuyên của khá đông nhân dân thành phố. Các mô hình thể dục thể thao phục vụ nhu cầu tập luyện nâng cao sức khỏe của người dân ở mọi đối tượng luôn được các quận, huyện quan tâm nghiên cứu đầu tư để tổ chức thực hiện một cách sáng

tạo, đổi mới phương thức hoạt động một cách phù hợp, mang lại hiệu quả cao như chương trình phổ cập Bơi cho học sinh, chương trình trang bị các bộ dụng cụ tập luyện thể dục thể thao đơn giản tại các khu vực dân cư, thể thao đến với người khuyết tật... Với sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa ngành Thể dục thể thao và Giáo dục đào tạo, công tác giáo dục thể chất trong nhà trường càng ngày càng được quan tâm, phong trào thể thao học đường duy trì sự phát triển. Giải thể thao học sinh năm học 2016-2017 gồm 27 môn đã thu hút đông đảo các trường và các em học sinh tham gia thi đấu.

* **Thể thao thành tích cao**

Để chuẩn bị lực lượng tham dự các giải thể thao toàn quốc, quốc tế chính thức, Thành phố tích cực triển khai các mặt công tác, từ tập huấn ngắn hạn, dài hạn trong nước, ngoài nước đến tham dự thi đấu, tổ chức, đăng cai giải. Cụ thể, tập huấn trong nước cử 249 lượt HLV, 1.249 lượt VĐV, 1 chuyên gia, 8 cán bộ thuộc 37 môn thể thao; tập huấn nước ngoài cử 34 lượt HLV, 162 lượt VĐV, 2 chuyên gia, 8 cán bộ thuộc 14 môn thể thao.

Chương trình Nguồn nhân lực: cử 03 lượt HLV; 13 VĐV; 01 cán bộ thuộc 03 môn thể thao Boxing, Đấu kiếm, Cử tạ.

* **Thành tích thi đấu**

Về thi đấu giải toàn quốc, thành phố đã cử 830 HLV, 4.343 VĐV, 15 lượt chuyên gia và 53 trọng tài thuộc 40 môn thể thao tham dự giải toàn quốc đạt 678 HCV, 445 HCB, 553 HCD. Về thi đấu giải quốc tế, cử 243 HLV, 997 VĐV, 7 chuyên gia, 46 cán bộ, trọng tài 41 môn dự đạt 123 HCV, 94 HCB, 111 HCD. Riêng tại SEA Games 29 năm 2017 tại Kuala Lumpur (Malaysia), thể thao Thành phố đã đóng góp 175 thành viên (35 HLV, 130 VĐV, 5 cán bộ đoàn, đội và 5 trọng tài) thuộc 23/32 môn thể thao trong tổng số 681 thành viên của Đoàn Thể thao Việt Nam, các VĐV Thành phố đã góp phần mang về 10 HCV, 05 HCB, 17 HCD và 1 kỷ lục SEA Games trong tổng số 58 HCV, 50 HCB, 60 HCD của Đoàn Thể thao Việt Nam.

Thành phố đã đăng cai tổ chức 104 giải, trong đó có 92 giải thể thao trong hệ thống thi đấu, 19 giải toàn quốc, 18 giải quốc tế.

4. Y tế

Thành phố là trung tâm y tế lớn nhất cả nước, hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh và theo định hướng sẽ trở thành trung tâm y tế chuyên sâu, kỹ thuật cao. Trong năm, đã có một số hoạt động triển khai tốt như thí điểm mô hình Phòng khám đa khoa tại Trạm Y tế và Phòng khám đa khoa xã hội hoá đặt tại Trạm Y tế đầu tiên trong cả nước; dữ liệu về Bảo hiểm y tế có 90% bệnh viện chuyên đầy đủ lên cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; xây mới và hoàn thành đưa vào hoạt động các khoa phòng của một số bệnh viện nhằm phục vụ người dân trong công tác khám chữa bệnh. Bên cạnh thành quả đạt được thì

thành phố còn gặp phải các thách thức lớn tạo áp lực nguy cơ lây lan dịch bệnh do sự gia tăng dân số cơ học, áp lực quá tải bệnh viện...

Kết quả một số chỉ tiêu thực hiện năm 2017

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2017	Ước thực hiện 2017
Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi	%	<8	4,1
Tỷ suất tử vong mẹ	Người	<10	3,16
Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	< 10	8,3
Tỷ lệ xã có trạm y tế	%	100	100
Tỷ lệ TYT có bác sỹ	%	100	100
Tỷ lệ bác sỹ/ vạn dân	Người	17	17
Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân	Giường	42	42

4.1. Công tác phòng chống dịch bệnh: tiếp tục tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát, chỉ đạo, hỗ trợ công tác phòng chống dịch bệnh tại 24 quận, huyện. Triển khai “Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý và phòng, chống dịch bệnh”, hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia và hệ thống báo cáo bệnh truyền nhiễm.

Tình hình các dịch bệnh từ ngày 1/1/2017 - 15/12/2017 như sau:

- **Bệnh Tay Chân Miệng (TCM):** Số ca nghi ngờ TCM nhập viện là 4.776 ca, giảm 14% so cùng kỳ năm 2016; không có ca nào tử vong.
- **Bệnh Sốt xuất huyết (SXH):** Số ca SXH nhập viện là 19.012 ca, giảm 7,6%; tử vong 6 ca.
- **Tình hình bệnh do virus Zika:** 21 ca nhiễm, giảm 87,7%.
- **Các bệnh truyền nhiễm khác:** trong khả năng kiểm soát và không xuất hiện ổ dịch.

4.2. Vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP):

Từ đầu năm đến nay đã xảy ra 3 vụ ngộ độc thực phẩm tập thể với 36 người, không có trường hợp tử vong. Nguyên nhân vẫn là do đơn vị cung cấp thức ăn không đảm bảo vệ sinh, đã bị xử lý vi phạm hành chính và công bố trên website của Ban An toàn Thực phẩm Thành phố.

4.3. Công tác khám chữa bệnh và điều trị

Ngành Y tế Thành phố khám và điều trị cho khoảng 40.143 ngàn lượt bệnh nhân, tăng 5,8% so với năm 2016. Tổng số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ước 18.364 ngàn lượt bệnh, tăng 8,38%. So sánh tỷ trọng lượt khám bệnh và lượt điều trị nội trú qua 2 năm 2016 và 2017 cho thấy tuyến quận/huyện, tuyến tư nhân đều tăng ngược lại tuyến thành phố lại giảm, điều này phản ánh việc nỗ lực giảm tải cho tuyến trên đã có chuyển biến tích cực. Thành phố tiếp tục tập trung vào các hoạt

động cải tiến và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh nhằm cung ứng dịch vụ y tế an toàn, chất lượng, hiệu quả và mang lại sự hài lòng cao nhất cho người bệnh, người dân như: vận hành “Kho dữ liệu phác đồ điều trị”; Triển khai hệ thống ki-ốt khảo sát “Không hài lòng” của người bệnh tại 53 bệnh viện công lập của thành phố và giám sát chuyên đề Quản lý chất lượng bệnh viện hướng đến sự hài lòng của người bệnh.

5. Giáo dục

Tình hình thi tốt nghiệp năm học 2016-2017

– Cấp Tiểu học: Tổng số học sinh lớp 5 là 105.647 học sinh, trong đó nữ là 51.477 học sinh. Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học là 105.603 học sinh (đạt 99,96%), trong đó nữ là 51.465 học sinh (đạt 99,98%).

– Cấp Trung học cơ sở: Số học sinh tốt nghiệp lớp 9 là 83.150 học sinh (đạt 99,71%), trong đó nữ là 39.933 học sinh (đạt 98,85%).

– Cấp Trung học phổ thông: Năm nay thực hiện thi tốt nghiệp phổ thông Quốc gia, kết hợp xét tuyển đại học. Thành phố có 65.766 học sinh dự thi, trong đó: Hệ phổ thông là 60.490 học sinh, Hệ bổ túc văn hóa là 5.276 học sinh. Kết quả có 64.769 học sinh dự thi đạt tốt nghiệp (đạt 98,48%); trong đó: 60.244 học sinh đạt tốt nghiệp hệ phổ thông (đạt 99,59%) và 4.525 học sinh đạt tốt nghiệp hệ bổ túc văn hóa (đạt 85,77%).

Tình hình tuyển sinh đầu cấp năm học 2017-2018:

– Mầm non: số lượng trường mẫu giáo, mầm non là 1.208 trường, tăng 9,8% so với năm học 2016 – 2017; 15.479 phòng học, tăng 6,8%. Số lượng giáo viên hiện có 24.987 người, tăng 9,2%; số lượng học sinh 385.306 người, tăng 5,2%.

– Phổ thông: số lượng trường phổ thông 952 trường, tăng 0,2%. Số phòng học là 28.232 phòng, tăng 3,9%. Số lớp học 30.454, tăng 3,1%; số giáo viên 51.006 người, tăng 1,8%; số học sinh 1.225.041 người, tăng 3,5% so với năm học trước.

6. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/11/2016 đến 16/11/2017)

Vi phạm kinh tế, môi trường: phát hiện, xử lý 972 vụ vi phạm về lĩnh vực môi trường, đề xuất ban hành xử phạt hành chính 694 vụ, thu nộp ngân sách Nhà nước trên 46 tỷ đồng. Vi phạm kinh tế 1.786 vụ, xử lý 1.635 đối tượng; thu hồi tài sản khoảng 15,5 tỷ đồng; khởi tố mới 369 vụ, 142 bị can; xác minh 172 vụ liên quan đến sử dụng công nghệ cao phạm tội; qua đó khởi tố điều tra 80 vụ, 9 bị can.

Phạm pháp hình sự: ghi nhận xảy ra 4.809 vụ phạm pháp hình sự, giảm 7,6% so với năm trước, bao gồm 101 vụ giết người, 151 vụ cướp tài sản, 32 vụ hiếp dâm, 34 vụ giao cấu với trẻ em, 31 vụ cưỡng đoạt tài sản, 444 vụ cố ý gây thương tích, 9 vụ bắt giữ người trái pháp luật, 38 vụ chống người thi hành công vụ, 798 vụ cướp giật tài sản, 2.773 vụ trộm cắp tài sản, 263 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 135 vụ án khác.

Đã điều tra khám phá nhanh 3.464 vụ phạm pháp hình sự (đạt 72,03%), bắt xử lý 3.698 tên, triệt phá 443 băng nhóm tội phạm hoạt động chuyên nghiệp; bắt, vận động đầu thú, thanh loại 509 đối tượng truy nã, trong đó có 309 đối tượng nguy hiểm và đặc biệt nguy hiểm.

Phòng chống tệ nạn xã hội

– **Ma túy:** đã phát hiện 1.407 vụ, bắt 3.160 tên, thu giữ khoảng 8,586 kg heroin; 330,747 kg và 39.844 viên ma túy tổng hợp; 21,483 kg cần sa; 60 kg cỏ mỹ; 2,393 kg cocain; 1,127 kg thuốc phiện; 25 khẩu súng; 27 ô tô; 1.062 xe mô tô; hơn 8,6 tỷ đồng; 37.205 USD; 1.872 điện thoại di động và nhiều công cụ, phương tiện phạm tội khác. Đã khởi tố 1.116 vụ, 1.487 bị can và xử lý hành chính 291 vụ, 1.671 đối tượng.

– **Cờ bạc, cá độ:** mặc dù số lượng vụ cờ bạc phát hiện giảm, nhưng ngày càng mở rộng về đối tượng tham gia, tính chất quốc tế hóa với quy mô ngày càng lớn, nhất là đối với hình thức cá độ bóng đá qua mạng internet. Tình hình cờ bạc truyền thống chủ yếu vẫn là các hoạt động tổ chức đánh bạc, số đề, đá gà ăn tiền trong khu dân cư, nổi lên gần đây là hoạt động cờ bạc núp bóng game bắn cá. Trong năm, đã phát hiện và xử lý 375 vụ cờ bạc, xử phạt hành chính 2.483 đối tượng, thu giữ trên 5 tỷ đồng và nhiều công cụ, phương tiện phạm tội khác.

– **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** tình hình tệ nạn, tội phạm có liên quan đến mại dâm công khai lộ liễu giảm và chuyển sang các phương thức thủ đoạn tinh vi núp bóng dưới nhiều hình thức kinh doanh trá hình (nhà hàng, spa, massage), đã triệt phá 125 vụ tổ chức mại dâm, xử lý 656 đối tượng.

Trật tự an toàn giao thông:

– **Tai nạn giao thông đường bộ:** ghi nhận đã xảy ra 782 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên, giảm 11,6% so với năm 2016; làm chết 705 người, giảm 11,7%; bị thương 208 người, giảm 17,1%.

– **Tai nạn đường sắt, đường thủy:** đã xảy ra 3 vụ tai nạn đường sắt, giảm 50%; làm chết 3 người. Giao thông đường thủy trên tuyến thủy nội địa đã xảy ra 26 vụ, giảm 10,3%; tuyến hàng hải xảy ra 14 vụ, làm 1 người chết và 1 người bị thương.

Về tình hình cháy, nổ (từ ngày 16/12/2016 đến 16/12/2017)

– **Tình hình cháy:** đã xảy ra 978 vụ cháy, giảm 49,6% so với năm 2016, làm chết 18 người và bị thương 44 người; thiệt hại về tài sản ước tính thành tiền khoảng 92,37 tỷ đồng. Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố và vi phạm quy định trong sử dụng điện: 447 vụ, chiếm 45,7%.

– **Tình hình nổ:** Trên địa bàn thành phố không xảy ra vụ nổ nào.

7. Chương trình xây dựng nông thôn mới: Thành phố đã triển khai về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020. Ngoài ra, tham gia Đoàn khảo sát của Văn phòng

Điều phối nông thôn mới Thành phố về Đề án nâng chất các tiêu chí xây dựng Xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 tại xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, các xã Long Hòa, Tam thôn Hiệp, An Thới Đông, Bình Khánh, Lý Nhơn thuộc huyện Cần Giờ, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 12 và năm 2017.



CỤC THỐNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THỐNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733